

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC TRỌNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Cao Đình Nhân

2. Ông K’ Bửu

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hồng Đ kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, quá trình vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Nguyễn Hồng Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bà và ông Đ đã ly hôn. Sau khi ly hôn vì vợ chồng vẫn còn tình cảm và vì thương con nên bà và ông Đ đã hàn gắn lại và năm 2013 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn bà và ông Đ chung sống tại tỉnh Bình Dương, đến tháng 7/2020 thì bà và hai con chuyển về sinh sống cùng bố mẹ chồng tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, còn ông Đ thường xuyên đi làm xa tại tỉnh Bình Phước. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, thậm chí ông Đ còn đánh đập bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Đ để bà ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 02/12/2009 và Nguyễn Hồng Đ1, sinh ngày 06/6/2015, hiện con đang ở với bà. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các con thành niên. Bà yêu cầu ông Nguyễn Hồng Đ cấp dưỡng nuôi hai con 4.000.000đ/tháng. Bà hiện là nhân viên kế toán của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cây kiểng L, thu nhập 13.000.000đ/tháng.

*Về tài sản chung:* Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Vợ chồng bà không có nợ chung.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Hồng Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi đăng ký kết hôn lại vợ chồng chung sống với nhau tại tỉnh Bình Dương, đến tháng 7/2020 thì bà H và các con chuyển về sinh sống cùng bố mẹ chồng tại thôn Quảng Hiệp, xã Hiệp Thạnh, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, còn ông đi làm tại tỉnh Bình Phước, hàng tuần ông đều về nhà để thăm gia đình và chuyển tiền về cho bà H sinh sống và nuôi các con. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra cãi cọ và cuộc sống vẫn hạnh phúc, tuy nhiên mỗi khi ông về thăm vợ con thì thấy bà H có nhắn tin với người đàn ông khác trên zalo. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đã cố gắng hàn gắn vì các con nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 02/12/2009 và Nguyễn Hồng Đ1, sinh ngày 06/6/2015. Hiện nay các con chung đang sống với vợ chồng. Khi ly hôn ông yêu cầu được quyền nuôi cả 02 con chung cho đến ngày con chung thành niên, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng

nuôi con. Trường hợp không được nuôi 02 con thì ông yêu cầu được nuôi con Nguyễn Hồng Đ1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng Đ.

Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 02/12/2009 cho bà H nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Hồng Đ1, sinh ngày 06/6/2015 cho ông Đ nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung đối với ông Nguyễn Hồng Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn ông Nguyễn Hồng Đ cư trú tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện A, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/7/2013, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng Đ là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do các bên thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ghen tuông, không còn tin tưởng nhau dẫn đến giữa vợ chồng có sự xô xát, cãi vã, đánh đập nhau. Bà H và ông Đ đã ly hôn và sau đó đăng ký kết hôn lại tuy nhiên vợ chồng vẫn không chung sống hạnh phúc. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Hồng Đ đồng ý ly hôn với bà H. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

*[3] Về con chung:* Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 02/12/2009 và Nguyễn Hồng Đ1, sinh ngày 06/6/2015. Ly hôn, bà H và ông Đ đều có yêu cầu nuôi dưỡng 2 con chung cho đến ngày các con thành niên, trường hợp không được nuôi dưỡng hai con, ông Đ yêu cầu được nuôi con Nguyễn Hồng Đ1 và đồng ý giao con Nguyễn Thị Thùy D cho bà H nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của bà H và ông Đ là chính đáng, bà H, ông Đ đều có công việc, thu nhập ổn định, bà H là nhân viên kế toán của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cây kiềng L, thu nhập 13.000.000đ/tháng. Ông Đ làm tài xế cho Công ty khoáng sản và xây dựng tại Bình Phước, thu nhập 13.000.000đ/tháng.

Xét về nguyện vọng của các con thì con Nguyễn Thị Thùy D có nguyện vọng ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, cháu D là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ, còn con Nguyễn Hồng Đ1 chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không lấy ý kiến của con. Bà H hiện tại đang ở nhà thuê. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con Nguyễn Thị Thùy D cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Hồng Đ1 cho ông Nguyễn Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật.

*[4] Về cấp dưỡng nuôi con:* Do giao mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

*[5] Về tài sản chung:* Bà H, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[6] Về nợ chung:* Bà H, ông Đ xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với ông Nguyễn Hồng Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 02/12/2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên; giao con chung tên Nguyễn Hồng Đ1, sinh ngày 06/6/2015 cho ông Nguyễn Hồng Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0007962 ngày 11/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Trần Thị Hằng**